

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026
LỚP MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	Trần Thị Tâm - Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. - Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Trẻ bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Trẻ đi bước lùi liên tiếp	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.	1, 3, 4, 5, 6, 7, 9

	khoảng 3 m.	+ Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.	
3	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Trẻ đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4- 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	+ Chạy 15 m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80 m + Chạy theo đường đích dắc.	3,9
4	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). + Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). + Trẻ tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Ném trúng đích thẳng đứng.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Trẻ chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây + Trẻ ném trúng đích ngang (xa 2 m). + Trẻ bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bò, trườn, chèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3- 4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Bật- nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40 cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30- 35 cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10- 15 cm. + Nhảy lò cò 3m.	1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9

6	- Trẻ thực hiện các vận động: + Trẻ biết cuộn- xoay tròn cổ tay. + Trẻ biết gập, mở các ngón tay.	- Vo xoáy, xoắn, vặn, búng, ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...	1, 5, 6.
7	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Trẻ biết vẽ hình người, nhà, cây. + Trẻ biết cắt thành thạo theo đường thẳng. + Trẻ xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. + Trẻ biết tết sợi đôi. + Trẻ tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	4, 8
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Trẻ biết thịt, cá....có nhiều chất đạm. + Trẻ biết rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - <i>Trẻ nhận ra thói quen tốt trong dinh dưỡng và vận động.</i>	5, 6
9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.	3
10	- Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì). - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ,</i>	2

	có đủ chất dinh dưỡng.	<i>tránh lãng phí.</i> <i>- Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và người khác.</i>	
11	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. + Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bị bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	2, 8
12	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		
13	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. + Trẻ chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Trẻ không uống nước lã.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Trẻ biết ăn các loại hoa quả, nhất là các loại hoa quả có hàm lượng VTM cao để tăng sức đề kháng cho cơ thể.	1, 2, 9
14	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Trẻ không ăn thức ăn có mùi ôi: không ăn lá, quả lạ.....không uống rượu, bia, cà phê: không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Trẻ không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	<i>- Thực hiện hành vi văn hóa, vệ sinh trong ăn uống.</i> <i>Trẻ học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống.</i>	
15	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép, giày	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Nhận biết một số biểu	2, 7

	khi đi học. + Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... + Trẻ biết vệ sinh đúng nơi quy định. + Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. <i>- Được chăm sóc an toàn cả về thể chất và tinh thần</i> <i>=> quyền của trẻ em đối với nhu cầu được chăm sóc, chẳng hạn như ăn, ngủ và nuôi dưỡng.</i>	
16	- Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi mọi người giúp đỡ: + Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. <i>- Trẻ thực hành thói quen tốt liên quan đến an toàn cho bản thân và người khác...</i>	3, 8
17	- Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. <i>- Trẻ học cách chơi an toàn, các trò chơi lành mạnh.</i>	3, 4, 8
18	- Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	<i>- Các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác.</i> <i>- Trẻ thực hành tốt thói quen an toàn cá nhân.</i>	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học			
19	- Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung	- Thời tiết, mùa. + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. <i>- Tên gọi.</i> <i>- Đặc điểm.</i> <i>- Quá trình phát triển.</i> <i>- Cách trông và chăm sóc.</i>	8

	quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...	- <i>Môi trường sống.</i> - <i>Sự thay đổi bất thường về thời tiết về thời tiết mùa xuân; Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột.</i> - <i>Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến ngày tết; cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dẫn đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác.</i> - <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông.</i> - <i>Ảnh hưởng của các phương tiện giao thông đối với môi trường; gây ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người.</i>	
20	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như: Kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	2, 8
21	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan	- Nước - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô	8

	sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. <i>- Tên gọi, phân bố</i> <i>- Đặc điểm</i> <i>- Tính chất của nước</i> <i>- Sự ô nhiễm nguồn nước</i> <i>- Quá trình hình thành/ xuất hiện</i> <i>- Ảnh hưởng tới con người và tự nhiên</i> <i>- Ứng xử.</i> - Thực hiện dự án steam.	
22	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Không khí, ánh sáng + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	8
23	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc 2 dấu hiệu.	- Đất đá, cát, sỏi + Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi. <i>- Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.</i>	8
24	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1, 3, 7
25	- Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu	
26	- Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần	

	nhau của các đối tượng được quan sát.	gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	
27	- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - <i>Mối quan hệ của thực vật với biến đổi khí hậu và thiên tai.</i> + <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối thực vật; làm hoa dập nát, cây chết, bị chôn vùi, không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh.</i> + <i>Ích lợi của thực vật đối với phòng, chống thiên tai; giữ nước, chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường.</i> - <i>Mối quan hệ của động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai.</i> + <i>Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.</i>	5, 6
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			

28	- Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu?, Là số mấy?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	4, 5, 6, 7, 9
29	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	
30	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		
31	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	4, 5, 6, 7, 9.
32	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Trẻ tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	
33	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...).	3, 7
34	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi. - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	1
35	- Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	7, 8, 9
36	- Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...).	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	1
37	- Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	4

		cầu.	
38	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái)	2
39	- Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi, sáng, trưa, chiều tối.	8
c. Khám phá xã hội			
40	- Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - <i>Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm về hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách.</i> - <i>Tất cả mọi người (dù họ là ai, giới tính là gì, có sở thích, khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i> - <i>Tìm hiểu để nhận ra một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai và bạn gái.</i> - <i>Khám phá các đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai – bạn gái.</i> - <i>Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể; biết được đâu là chỗ/khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.</i>	2

41	- Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.	3
42	- Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- <i>Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu.</i> - <i>Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.</i>	
43	- Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1, 3
44	- Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- <i>Tên gọi, địa điểm trường mầm non.</i> - <i>Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường.</i>	
45	- Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
46	- Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi và trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - <i>Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn.</i> - <i>Một số nghề khác có mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường (khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, nước thải,</i>	4

		<i>khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng....là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự biến đổi khí hậu và thiên tai gia tăng).</i> <i>- Giáo viên tạo ra sự đa dạng trong hình mẫu, ví dụ... về các mối quan hệ xã hội, ngành nghề...của các cộng đồng của trẻ ở các vùng văn hóa, dân tộc khác nhau.</i>	
47	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội .	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	1, 2, 3, 5, 6, 7, 9
48	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe hiểu lời nói			
49	- Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, VD: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm tính chất công dụng và các từ biểu cảm.	2
50	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ.....	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu.	3
51	- Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát ,bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <i>- Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi phù hợp với tình huống trong giao tiếp.</i>	7, 9
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày			

52	- Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. <i>- Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn; - Bất cứ khi nào có thể, trẻ em cũng được tạo cơ hội để sử dụng và học (các) tiếng mẹ đẻ của chính mình. Nhà trường, GV có trách nhiệm chính trong việc phối hợp với gia đình để bảo tồn và phát triển (các) ngôn ngữ mẹ đẻ và văn hóa của trẻ.</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
53	- Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? , Cái gì ?, Ở đâu ?, Khi nào? , Để làm gì?	1, 3
54	- Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. <i>- Trẻ được tôn trọng, lắng nghe ngữ điệu riêng, phát âm đặc trưng của trẻ...</i>	4
55	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ ca dao tục ngữ, hò vè .	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
56	- Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại câu chuyện đã được nghe.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
57	- Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	7, 8, 9
58	- Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.	5, 6
59	- Trẻ sử dụng các từ như: “Mời cô”; “mời bạn”; “cảm ơn”; xin lỗi”; trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. <i>- Học cách tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp: Sử dụng đại từ nhân xưng; sử dụng từ, câu biểu thị lịch sự, lễ</i>	1

		<i>phép; lắng nghe; khởi xướng; luân phiên; điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống giao tiếp.</i>	
60	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	6
c. Làm quen với việc đọc, viết			
61	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn và bảo vệ sách. <i>- Xem sách, trò chuyện; lắng nghe và trao đổi phù hợp với người đối thoại.</i>	7
62	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ đọc ngắt nghỉ sau các dấu	5, 6, 8
63	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“Đọc vẹt”).	+ Trẻ phân biệt mở đầu, kết thúc của sách. <i>- Làm sách tranh, kể chuyện sáng tạo thể hiện mong muốn về một thế giới hòa bình, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau.</i>	
64	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...).	2

	thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- <i>Tôn trọng cách truyền đạt ý tưởng và thông tin bằng nhiều cách khác nhau như: vẽ, đánh dấu, ký hiệu, ảnh, video, công cụ kỹ thuật số và viết với cách viết thông thường hoặc theo cách của mình.</i>	
65	- Trẻ sử dụng kí hiệu để "Viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			
a. Phát triển tình cảm			
66	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính. - <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	2
67	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - <i>Bày tỏ được ý kiến về nhu cầu, mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ - liên quan tới quyền tham gia của trẻ.</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
68	- Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		
69	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).		
70	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	1, 5
71	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ giọng nói; trò chơi, hát; vận động; vẽ, nặn, xếp	2, 3

		hình.	
72	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. <i>- Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.</i>	9
73	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
74	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
b. Phát triển kỹ năng xã hội			
75	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; Trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. <i>- Cách mà mỗi thành viên trong gia đình, cộng đồng (trường/lớp/địa phương) có thể giúp đỡ nhau, mang lại niềm vui cho nhau</i> <i>- Yêu thương bản thân; tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác.</i> <i>- Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i> <i>- Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất.</i>	1, 3, 4, 7
76	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”, “Tốt” – “xấu”.	4, 7
77	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn	- Lắng nghe ý kiến của	

	nói.	người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	5, 6
78	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.	
79	- Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật....)	- Quan tâm, giúp đỡ bạn. - <i>Học cách thảo luận, thương lượng và giải quyết xung đột/mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự dựa trên sự tôn trọng.</i> - <i>Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i> - <i>Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.</i>	2,4.
80	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5, 6
81	- Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.	- <i>Tôn trọng con người, sự vật và học cách sinh sống một cách hài hòa, bảo vệ thiên nhiên xung quanh</i>	
82	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i> - <i>Hành vi văn minh trong trường, lớp, gia đình và nơi công cộng; hành vi sống xanh và bảo vệ môi trường sống gần gũi.</i>	4, 8
83	- Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
84	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc, và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	5, 6, 7, 9

	đẹp của các sự vật, hiện tượng.	trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	
85	- Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- <i>Mọi trẻ (không kể về giới tính, nguồn gốc, thành phần dân tộc...) đều có thể tham gia vào hoạt động nghệ thuật theo sở thích của bản thân và tạo ra sản phẩm nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc, kịch...) theo cảm nhận của riêng mình, như là một cách để trẻ thể hiện cảm xúc và ý tưởng của bản thân. Tất cả những người khác đều phải học cách tôn trọng sở thích của nhau.</i>	
86	- Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		
87	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	1,2,3,4,5 6,7,8,9
88	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - <i>Biết cách sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh.</i>	
89	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các	1,2,3,4,5 6,7,8,9

	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành các bức tranh có màu sắc và bố cục. - Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. - Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. - Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- sản phẩm. - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. - <i>Trẻ em có cơ hội “thử nghiệm” nhiều hoạt động thẩm mỹ nhất có thể đối với lứa tuổi của mình và các em phải được thường xuyên chọn hoạt động thẩm mỹ mà các em yêu thích nhất.</i> - Thực hiện dự án steam.	
90	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	8
91	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	1, 5
92	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	2,3,9
93	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - <i>Mỗi trẻ đều được khuyến khích để tạo ra các sản phẩm tạo hình, âm nhạc, nghệ thuật theo khả năng và sự sáng tạo của bản thân, như là một cách để thể hiện bản thân mỗi đứa trẻ.</i> - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình.	

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
(MẪU GIÁO 4- 5 TUỔI)**

Thời gian (Tháng, từ ngày 08/09/2025 đến ngày 22/05/2026)	S T T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Điều chỉnh bổ sung
(4 tuần) 08/9/2025 – 3/10/2025 08/09/2025 - 12/09/2025	1	Trường mầm non thân yêu của bé	Trường mầm non của bé	1		
15/09/2025 - 19/09/2025			Một số hoạt động trong trường mầm non.	1		
22/09/2025 - 26/09/2025			Lớp học của bé.	1		
29/09/2025 - 03/10/2025			Đồ dùng, đồ chơi của lớp.	1		
(4 tuần) 6/10/2025 - 31/10/2025 06/10/2025 - 10/10/2025	2	Bản thân	Bé vui tết trung thu .	1	Tết trung thu, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	
13/10/2025 - 17/10/2025			Tôi là ai.	1		
20/10/2025 - 24/10/2025			Cơ thể của tôi.	1		
27/10/2025 - 31/10/2025			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	1		
(4 tuần) 3/11/2025 - 28/11/2025 03/11/2025 - 07/11/2025	3	Gia đình	Gia đình của bé.	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
10/11/2025 - 14/11/2025			Ngôi nhà của bé.	1		
17/11/2025 - 21/11/2025			Ngày hội	1		

			của cô giáo .			
24/11/2025 - 28/11/2025			Đồ dùng ăn uống trong gia đình.	1		
(4 tuần) 1/12/2025 - 26/12/2025						
01/12/2025 - 05/12/2025			Nghề xây dựng.	1	Ngày quân đội nhân dân Việt Nam	
08/12/2025 - 12/12/2025	4	Nghề nghiệp	Nghề y tế.	1		
15/12/2025 - 19/12/2025			Nghề sản xuất .	1		
22/12/2025 - 26/12/2025			Nghề bộ đội, công an.	1		
29/12/2025 – 02/01/2026			Nghỉ tết dương lịch (không soạn giảng), tổ chức các hoạt động khác.			
(4 tuần) 5/01/2026 – 30/01/2026			Động vật nuôi trong gia đình	1	Kết thúc học kỳ I, bắt đầu học học kỳ II	
05/01/2026 - 09/01/2026			Động vật sống trong rừng	1		
12/01/2026 – 16/01/2026			Động vật sống dưới nước	1		
19/01/2026 – 23/01/2026			Một số loại chim và côn trùng	1		
26/01/2026 – 30/01/2026						
(5 tuần) 02/02/2026 – 13/03/2026			Cây xanh quanh bé	1		
02/02/2026 - 06/02/2026	6					

09/02/2026 - 13/02/2026		Thế giới thực vật, tết và mùa xuân	Mùa xuân, tết nguyên đán	1	Ngày tết nguyên n đán	
16/02/2026 - 20/02/2026			Nghỉ tết nguyên đán (không soạn giảng)			
23/02/2026 - 27/02/2026			Những loại hoa đẹp	1		
02/03/2026 - 06/03/2026			Ngày hội 8/3	1		
09/03/2026 - 13/03/2026			Một số loại rau, củ, quả	1		
(4 tuần) 16/3/2026 – 10/4/2026 16/03/2026 - 20/03/2026	7	Phương tiện và luật giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ	1		
23/03/2026 - 27/03/2026			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
30/3/2026 - 03/04/2026			Phương tiện giao thông đường không	1		
06/04/2026 - 10/04/2026			Luật giao thông	1		
(3 tuần) 13/4/2026 – 01/5/2026 13/04/2026 - 17/04/2026	8	Nước và các hiện tượng tự nhiên.	Nước.	1	Giải phóng miền nam, quốc tế lao động	
20/04/2026 – 24/04/2026			Các hiện tượng tự nhiên.	1		
27/04/2026 - 01/05/2026			Các mùa trong năm.	1		

(3 tuần) 04/5/2026 – 22/5/2026	9	Quê hương, đất nước, Bác Hồ, Trường tiểu học	Quê hương, đất nước.	1		
04/05/2026 - 08/05/2026			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi.	1		
11/05/2026 - 15/05/2026			Trường tiểu học.	1		
18/05/2026 - 22/05/2026				35 tuần		

GIÁO VIÊN**TỔ TRƯỞNG****P. HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thị Tâm

